CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG
DN: C=VN, S=ĐÀ NẴNG, L=Hòa Cường, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0400101066
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-11-04 16:07:30
Foxit PhantomPDF Version: 9.5.0

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (CÁ NHÂN, TỔ CHỨC) ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

APPENDIX 01: List of Insiders and Related Parties (Individuals and Organizations) of the Insiders

Stock Code*: DNN*

Organization: Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng/ Da Nang Water Supply Joint Stock Company

Record date : 09/10/2026

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	**DNN**	**Hồ Hương**	**Chủ Tịch Hội đồng Quản trị/ Chairman**		CCCD	049069011927	28/06/2021	**30/10/2026**	
1.01	DNN	Bùi Tá Hựu		Bố vợ/ Father in law	CCCD	051040002088	28/06/2021		
1.02	DNN	Trần Thị Thư		Mẹ vợ/Mother in law	CCCD	051142004214	28/06/2021		
1.03	DNN	Bùi Thị Kim Ánh		Vợ / Wife	CCCD	051172012853	28/06/2021		
1.04	DNN	Hồ Bùi Văn Quang	Nhân viên CNTT/IT Staff	Con trai/ Son	CCCD	048099003309	22/12/2021		
1.05	DNN	Hồ Bùi Văn Trung		Con trai/Son	CCCD	048204000287	03/04/2021		
1.06	DNN	Hồ Thị Trình		Chị gái/ Sister	CCCD	049165014533	04/06/2023		
1.07	DNN	Hồ Văn Quê		Em trai/Brother	CCCD	049073000417	10/10/2024		
1.08	DNN	Hồ Văn Thủy		Em trai/Younger Brother	CCCD	049075000050	22/11/2021		
1.09	DNN	Hồ Tuấn Anh		Em trai/Younger Brother	CCCD	049078001072	03/04/2021		
1.10	DNN	Hồ Văn Thắng		Em trai/Younger Brother	CCCD	049083014314	28/06/2021		
1.11	DNN	Phạm Thi Trí		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	041916701488 2	07/08/2022		
1.12	DNN	Lê Văn Mười		Anh rể/Brother in law	CCCD	049066008953	01/09/2021		
1.13	DNN	Nguyễn Thị Hoàng Dung		Em dâu/Sister in law	CCCD	054172000067	22/11/2021		
1.14	DNN	Huỳnh Thị Mỹ Lan		Em dâu/Sister in law	CCCD	082178000097	22/11/2021		
1.15	DNN	Võ Thị Thu Thủy		Em dâu/Sister in law	CCCD	026187010688	21/09/2022		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.16	DNN	Trương Thị Thanh Châu		Em dâu/Sister in law	CCCD	049182009875	10/08/2021		
1.17	DNN	Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng /Da Nang City People's Committee		Ông Hương đại diện vốn của UBND/ Mr Huong is a capital's reprensentative of Danang City People's Committee		11026/UBND-SNV	25/10/2026		
2	**DNN**	**Đặng Thanh Bình**	**Phó Chủ tịch hội đồng quản trị, Thành viên HĐQT / Vice Chairman, Member of BOD**		**CCCD**	**049063014707**	**04/09/2022**	**30/10/2026**	
2.01	DNN	Mai Thị Ba		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	049134002532	01/09/2021		
2.02	DNN	Ngô Thị Yến Linh		Vợ/Wife	CCCD	049166002345	22/06/2022		
2.03	DNN	Đặng Thị Lan Ngọc		Con gái/Daughter	CCCD	049188002511	19/08/2022		
2.04	DNN	Đặng Ngọc Hoàng		Con trai/Son	CCCD	049097017285	22/06/2022		
2.05	DNN	Hồ Minh Khiết		Con rể/ Son in law	CCCD	048087002777	28/09/2021		
2.06	DNN	Đặng Thị Xuân		Chị gái/Sister	CCCD	049155003485	31/08/2021		
2.07	DNN	Đặng Thanh Hồng		Anh trai/Brother	CCCD	049063006090	31/08/2021		
2.08	DNN	Mai Thị Lộc		Em dâu/Sister in law	CCCD	049172003020	06/06/2023		
2.09	DNN	Đặng Thị Tâm		Em gái/Sister	CCCD	049170006469	31/08/2021		
2.10	DNN	Ngô Văn Vinh		Em rể/Brother in law	CCCD	049074003930	14/06/2022		
2.11	DNN	Đặng Thanh Hiền		Em trai/Brother	CCCD	049072017979	27/06/2021		
2.12	DNN	Lê Thị Thủy		Em dâu/Sister in law	CCCD	049178015649	09/08/2021		
2.13	DNN	Đặng Thị Thu Thanh		Em gái/Sister	CCCD	049175003958	31/08/2021		
2.14	DNN	Võ Văn Cường		Em rể/Brother in law	CCCD	049074008857	31/08/2021		
2.15	DNN	Đặng Thanh Trà		Em trai/Brother	CCCD	049082014887	28/06/2021		
2.16	DNN	Phan Thị Trinh Nữ		Em dâu/Sister in law	CCCD	049181007733	18/01/2022		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.17	DNN	Nguyễn Thị Hạnh Tiên		Con dâu/Daughter in law	CCCD	048301007140	11/07/2022		
2.18	DNN	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung / DaNang Mien Trung JSC		Ô Bình làm CT HĐQT/Mr Binh is chairman of this company	ĐKKD	0400578412	04/7/2007		
2.19	DNN	Công ty CP Thủy Điện A Vương /A Vuong Hydropower JSC		Ô Bình làm TV HĐQT/Mr Binh is member of BOD of this company	ĐKKD	04000478435	20/12/2007	12/10/2026	
3	**DNN**	**Hồ Minh Nam**	**Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng giám đốc Công ty/ Member of BOD, General Director**		**CCCD**	**001075039465**	**10/08/2021**	**30/10/2026**	
3.01	DNN	Hồ Bút		Bố đẻ/Father	CCCD	049046002420	02/07/2021		
3.02	DNN	Đỗ Thị Lân		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	001148019489	09/05/2021		
3.03	DNN	Phạm Kim Thoa		Mẹ vợ/Mother in law	CCCD	048155004663	03/05/2022		
3.04	DNN	Lê Phạm Hồng Điệp		Vợ/Wife	CCCD	048179003594	10/08/2021		
3.05	DNN	Hồ Minh Huy		Con trai/Son	CCCD	048203000265	01/04/2021		
3.06	DNN	Hồ Lê Minh Hoàng		Con trai/Son	CCCD	048207002350	12/08/2022		
3.07	DNN	Hồ Minh Đức		Em trai/Brother	CCCD	048078003147	23/03/2022		
3.08	DNN	Lê Thị Ngọc Loan		Em dâu/Sister in law	CCCD	048180005868	23/03/2022		
3.09	DNN	Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng /Da Nang City People's Committee		Ông Nam đại diện vốn của UBND/ Mr. Nam is a capital's reprensentative of Danang City People's Committee		11026/UBND-SNV	25/10/2026		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	**DNN**	**Phan Thịnh**	**Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc/Member of BOD cum Deputy General Director**		CCCD	048069001659	21/08/2022	**30/10/2026**	
4.01	DNN	Đặng Thị Đoan Trang		Vợ/Wife	CCCD	048169001619	12/09/2022		
4.02	DNN	Phan Đặng Thy Nga		Con gái/Daughter	CCCD	048301001402	26/08/2024		
4.03	DNN	Phan Chí Nguyên		Con trai/Son	CCCD	048202001526	21/08/2022		
4.04	DNN	Phan Thị Xin		Chị gái/Sister	CCCD	048155004367	30/08/2021		
4.05	DNN	Phan Xanh		Anh trai/Brother	CCCD	048058003390	10/08/2021		
4.06	DNN	Phan Thị Bình		Chị gái/Sister	CCCD	048160005238	20/03/2022		
4.07	DNN	Phan Thị Thanh Thủy		Anh rể/Brother in law	CCCD	048164003595	05/08/2024		
4.08	DNN	Phan Thạnh		Anh ruột/Brother	CCCD	048066001424	23/12/2022		
4.09	DNN	Phan Thị Ngọc Phượng		Em ruột/Younger brother	CCCD	048170005475	20/08/2021		
4.10	DNN	Nguyễn Văn Thung		Anh rể/Brother in law	CCCD	048057003795	02/12/2021		
4.11	DNN	Nguyễn Thị Ngọc Lanh		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	049160009998	10/08/2021		
4.12	DNN	Dương Văn Dũng		Anh rể/Brother in law	CCCD	049057007743	30/08/2021		
4.13	DNN	Hồ Thị Thuỳ Trang		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	048166004259	14/09/2021		
4.14	DNN	Nguyễn Thị Cúc		Mẹ vợ/Mother in law	CCCD	046147000016	12/09/2022		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4.15	DNN	Ủy ban nhân dân TP Đà Nẵng /Da Nang City People's Committee		Ông Thịnh đại diện vốn của UBND/ Mr.Thinh is a capital's reprensentative of Danang City People's Committee		11025/UBND	25/10/2026		
5	**DNN**	**Hồ Minh Khiết**	**Thành viên Hội đồng quản trị / Member of BOD**		CCCD	48087002777	28/09/2021	**30/10/2026**	
5.01	DNN	Đặng Thị Lan Ngọc		Vợ/Wife	CCCD	49188002511	19/08/2022		
5.02	DNN	Hồ Tuệ Minh		Con trai/Son	Giấy khai sinh /Bith Certificate	293/2016	31/08/2016		
5.03	DNN	Lô Thị Bích Ngà		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	48155003100	28/9/2021		
5.04	DNN	Đặng Thanh Bình		Cha vợ/Father in law	CCCD	49063014707	09/04/2022		
5.05	DNN	Ngô Thị Yến Linh		Mẹ vợ/Mother in law	CCCD	49166002345	22/06/2022		
5.06	DNN	Hồ Minh Khiêm		Anh trai/ Brother	CCCD	48083007072	28/9/2021		
5.07	DNN	Ngô Thị Mỹ Lệ		Chị dâu/Sister in law	CCCD	48184003868	16/05/2024		
5.08	DNN	Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Miền Trung							
5.09	DNN	Công ty Cổ phần Cấp nước KonTum							
6	**DNN**	**Trần Phước Thương**	**Phó Tổng giám đốc Công ty/ Deputy GD**		CCCD	048066002813	12/08/2021	**14/12/2021**	
6.01	DNN	Trần Phước Nhung		Bố đẻ/Father	CCCD	048047003102	22/12/2021		
6.02	DNN	Đinh Thị Thu		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	048148003400	22/12/2021		
6.03	DNN	Nguyễn Thị Thanh Hưng		Vợ / Wife	CCCD	048163004479	12/08/2021		
6.04	DNN	Trần Nguyễn Phương Minh		Con gái/Daughter	CCCD	048189006740	24/08/2023		
6.05	DNN	Trần Nguyễn Hoàng Phương		Con trai/Son	CCCD	048095007324	12/08/2021		
6.06	DNN	Hoàng Công Huân		Con rể/Son in law	CCCD	048088005611	22/08/2023		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6.07	DNN	Lê Thị Hoàng Phương		Con dâu/Daughter in law	CCCD	048193005835	15/05/2022		
6.08	DNN	Trần Thị Xuân		Em gái/Sister	CCCD	048169004685	09/05/2021		
6.09	DNN	Trần Thị Mãng		Em gái/Sister	CCCD	048171005895	28/06/2021		
6.10	DNN	Trần Phước Mỹ		Em trai/Brother	CCCD	048074007625	28/06/2021		
6.11	DNN	Hoàng Tân		Em rể/Brother in law	CCCD	049068014308	28/01/2023		
6.12	DNN	Nguyễn Thị Thanh Nga		Em dâu/Sister in law	CCCD	048174007322	28/06/2021		
6.13	DNN	Võ Văn Tuấn		Em rể/Brother in law	CCCD	048067004254	09/05/2021		
7	**DNN**	**Phạm Hồng Minh**	**Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Tài chính Kế toán/Chief Accountant cum Manager of Finance & Accounting**		CCCD	049079014254	08/07/2021	**01/05/2025**	
7.01	DNN	Phạm Tiến Dũng		Bố đẻ/Father	CCCD	049052002785	01/09/2021		
7.02	DNN	Nguyễn Thị Tỏa		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	049154011953	01/09/2021		
7.03	DNN	Lê Vĩnh Dũng		Bố vợ/ Father in law	CCCD	049064018797	01/10/2025		
7.04	DNN	Trần Thị Hồng		Mẹ vợ/Mother in law	CCCD	049165007200	01/10/2025		
7.05	DNN	Lê Thị Vân Anh		Vợ/Wife	CCCD	049186012607	28/06/2021		
7.06	DNN	Phạm Lê Đăng Khôi		Con trai/Son	CCCD	049212017548			ĐDCN
7.07	DNN	Phạm Lê Châu Oanh		Con gái/Daughter	CCCD	049315005938			ĐDCN
7.08	DNN	Phạm Lê Nguyên Khang		Con trai/Son	CCCD	048221004728			ĐDCN
8	**DNN**	**Nguyễn Thị Thu Hà**	**Trưởng ban Kiểm soát Công ty/ Head of Board of Supervisors**		CCCD	001173043947	08/07/2022	**30/10/2026**	
8.01	DNN	Trần Thị Hạnh		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	027140005494	09/01/2022		
8.02	DNN	Trần Thị Tuyết		Mẹ chồng/Mother in law	CCCD	048156000281	13/04/2021		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8.03	DNN	Nguyễn Quốc Vinh		Chồng/Husband	CCCD	048073003218	04/09/2022		
8.04	DNN	Nguyễn Trần Phương Nghi		Con gái/Daughter	CCCD	048301001457	07/04/2023		
8.05	DNN	Nguyễn Trần Chiêu Nghi		Con gái/Daughter	CCCD	048309000817	21/02/2024		
8.06	DNN	Nguyễn Đồng Nam		Anh trai/Brother	CCCD	01070041663	27/08/2021		
8.07	DNN	Nguyễn Thị Thu Hiền		Em gái/Sister	CCCD	048180003308	27/08/2021		
8.08	DNN	Nguyễn Thị Kim Hoa		Em gái/Sister	CCCD	048183002316	26/04/2022		
8.09	DNN	Phạm Tấn Hiệp		Em rể/Brother in law	CCCD	049080009456	12/04/2022		
9	**DNN**	**Phạm Thị Quế Chi**	**Kiểm soát viên không chuyên trách, GĐ Ban HCNS/ Part time Supervisor, Manager of Human Resource & Admin Department**		**CCCD**	**048177002218**	**09/05/2021**	**30/10/2026**	
9.01	DNN	Thái Thị Kim Hoa		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	049147000457	20/04/2021		
9.02	DNN	Nguyễn Thị Thúy		Mẹ chồng/Mother in law	CCCD	049135004141	27/08/2021		
9.03	DNN	Lê Ngọc Thịnh		Chồng/Husband	CCCD	048069005024	09/05/2021		
9.04	DNN	Lê Ngọc Bảo Quyên		Con gái/Daughter	CCCD	048302004005	22/11/2021		
9.05	DNN	Lê Ngọc Bảo Trâm		Con gái/Daughter	CCCD	048306008093	13/05/2021		
9.06	DNN	Phạm Thị Quế Phương		Chị gái/Sister	CCCD	031174010239	19/04/2023		
9.07	DNN	Phạm Thị Ngọc Lan		Em gái/Sister	CCCD	048181005559	11/08/2021		
9.08	DNN	Ngô Vũ Anh Thy		Em rể/Brother in law	CCCD	048081004970	09/08/2021		
10	**DNN**	**Lê Mai Phương**	**Kiểm soát viên chuyên trách / Full time Supervisor**		**CCCD**	**48189007499**	**25/03/2022**	**30/10/2026**	
11.01	DNN	Lê Duy Quang		Chồng / Husband	CCCD	48089004422	28/06/2021		
11.02	DNN	Lê Nhật Minh		Con trai/ Son	Giấy khai sinh	48220001809			
11.03	DNN	Lê Nhật Vinh		Con trai/Son	Giấy khai sinh	48224007799			

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11.04	DNN	Lê Doãn Lâm		Ba đẻ/ Father	CCCD	49062000547	28/03/2021		
11.05	DNN	Nguyễn Thị Ngọc Dung		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	48158000421	10/04/2021		
11.06	DNN	Lê Gia Phương		Em gái/Sister	CCCD	48198005463	18/01/2024		
11.07	DNN	Trần Thị Lệ		Mẹ chồng/Mother in la	CCCD	49158012335	12/12/2024		
11	**DNN**	**Lê Uyên Phương**			CCCD	052178019684	09/08/2021	**14/12/2021**	
12.01	DNN	Lê Hồng Hà	**Người được ủy quyền công bố thông tin/Người quản trị Công ty/Thư ký Công ty/Authorized person for information disclosure, Company Administrator, Company's Secretary.**	Bố đẻ/Father	CCCD	052082003409	10/03/2023		
12.02	DNN	Cao Thị Bửu		Mẹ đẻ/Mother	CCCD	052161001710	10/03/2023		
12.03	DNN	Trần Thị Ngọc Khoa		Mẹ chồng/Mother in law	CCCD	052157000781	13/04/2021		
12.04	DNN	Đỗ Cẩm Phong		Chồng/Husband	CCCD	052077022037	09/08/2021		
12.05	DNN	Đỗ Lê Khánh Linh		Con gái/Daughter	CCCD	048304000279	10/04/2021		
12.06	DNN	Đỗ Lê Phương Anh		Con gái/Daughter	CCCD	048309000861	22/05/2023		
12.07	DNN	Lê Cao Phong		Em trai/Brother	CCCD	052082003409	10/03/2023		
12.08	DNN	Lê Đức Uy		Em trai/Brother	CCCD	52086002945	10/03/2023		
12	**DNN**	**Lê Văn Dũng**	**Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây lắp Cấp thoát nước Đà Nẵng/ Da Nang Water Supply & Drainage Construction One Member Limited Liability Company**		CCCD	048068003547	23/03/2022	**01/01/2019**	
12.01	DNN	Trương Văn Phong		Bố vợ/ Father in law	CCCD	049052005311	28/06/2021		
12.02	DNN	Hồ Thị Thanh Xuân		Mẹ vợ/Mother in law	CCCD	049148003767	28/06/2021		
12.03	DNN	Trương Tú Anh		Vợ/Wife	CCCD	048172008149	23/03/2022		
12.04	DNN	Lê Tú Vân Giang		Con gái/Daughter	CCCD	048198003849	29/07/2022		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12.05	DNN	Lê Tú Châu Giang		Con gái/Daughter	CCCD	048301005054	29/07/2022		
12.06	DNN	Lê Thị Em		Chị gái/Sister	CCCD	048157003679	27/08/2021		
12.07	DNN	Lê Thị Trinh		Chị gái/Sister	CCCD	048164006935	17/09/2024		
12.08	DNN	Lê Văn Thương		Anh trai/Brother	CCCD	048046003726	25/07/2021		
12.09	DNN	Lê Cao Nguyên		Anh trai/Brother	CCCD	048055003758	25/07/2021		
12.10	DNN	Lê Văn Lân		Anh trai/Brother	CCCD	048058004516	11/06/2022		
12.11	DNN	Lê Văn Tương		Anh trai/Brother	CCCD	048059003551	28/06/2021		
12.12	DNN	Lê Văn Trung		Anh trai/Brother	CCCD	048066000233	19/02/2021		
12.13	DNN	Lê Thị Cảm		Chị gái/Sister	CCCD	048169003610	27/08/2021		
12.14	DNN	Trần Văn Trong		Anh rể/Brother in law	CCCD	048055003964	27/08/2021		
12.15	DNN	Võ Đức Thành		Anh rể/Brother in law	CCCD	048054002281	17/09/2024		
12.16	DNN	Nguyễn Thị Hường		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	048148003290	25/07/2021		
12.17	DNN	Trần Thị Minh Sinh		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	048155003180	25/07/2021		
12.18	DNN	Huỳnh Thị Tánh		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	051165003611	23/01/2022		
12.19	DNN	Phan Thị Hoa		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	049160005909	28/06/2021		
12.20	DNN	Nguyễn Thị Thu Lệ		Chị dâu/ Sister in law	CCCD	048168006093	28/09/2021		
12.21	DNN	Văn Tế Tường		Em rể/Brother in law	CCCD	048069002825	27/08/2021		

STT/ No	Mã chứng khoán/ Stock Code	Họ và tên/ Full name	Chức vụ tại công ty/ Position	Mối quan hệ đối với người nội bộ/Relationship to the Insiders	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)/Type of legal document	Số giấy NSH/ Number of NSH	Ngày cấp giấy NSH/Date of issue	Thời điểm bổ nhiệm NNB/trở thành NLQ/ Date of Appointment as an Insider or Recognition as a Related Person	Ghi chú/Notes
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12.22	DNN	Công ty TNHH MTV Xây lắp CTN Đà Nẵng/ Da Nang Water Supply & Drainage Construction One Member Limited Liability Company		Ông Dũng làm GĐ Công ty/Mr Dung is Director of this company	ĐKKD	0401953948	01/4/2019		Mở hoạt động lại từ tháng 01/01/2026/ resume operations from 01/01/2026

Người lập
Thư ký Công ty
Prepared by
Company Secretary

Lê Uyên Phương

Đại diện theo pháp luật
Tổng giám đốc
Legal Representative
GENERAL DIRECTOR

Hồ Minh Nam

ê